

RESEARCH KNOWLEDGE, ATTITUDES AND RELATED FACTORS ON SAFE SEX OF STUDENTS AT MY XUYEN HIGH SCHOOL, CAN THO CITY

Tran Truc Linh*

Tay Do University - 68 Tran Chien, Cai Rang ward, Can Tho city, Vietnam

Received: 31/12/2025

Revised: 11/02/2026; Accepted: 28/04/2026

ABSTRACT

Objectives: To determine the proportion of students with correct knowledge and good attitudes on safe sex and to identify several related factors of students at My Xuyen High School, Can Tho city.

Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 403 students at My Xuyen High School from September to December 2024. A structured questionnaire was used to assess students knowledge and attitudes on safe sex.

Results: The proportion of students with correct knowledge on safe sex was 66.5%, among them, knowledge on sexually transmitted infections, particularly HIV/AIDS, was the highest at 99.3%, while only 16.5% students recognized hepatitis B as an sexually transmitted infections. The proportion of students with good attitudes on safe sex was relatively low, accounting for 21.3%. The statement “using contraceptive methods indicates safe sexual practices” received the highest level of agreement (67.7%). However, 45.6% students still felt embarrassed when buying or asking about condoms. Knowledge level was associated with academic performance, and attitudes on safe sex were influenced by gender.

Conclusions: The percentage of students with correct knowledge and good attitudes on safe sex is not high. It is necessary to enhance sexual safety education for high school students, particularly those with lower academic performance and male students as a key target group to improve knowledge and adjust attitudes toward sexual safety.

Keywords: Safe sex, knowledge, attitudes, high school students.

*Corresponding author

Email: ttlinhvn85@gmail.com Phone: (+84) 979727232 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD5.5027



NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ CỦA HỌC SINH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN VỀ AN TOÀN TÌNH DỤC TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MỸ XUYỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Trần Trúc Linh*

Trường Đại học Tây Đô - 68 Trần Chiên, phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận bài: 31/12/2025

Ngày chỉnh sửa: 11/02/2026; Ngày duyệt đăng: 28/04/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng, thái độ tốt và một số yếu tố liên quan về an toàn tình dục tại Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 403 học sinh đang học tại Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên trong thời gian từ tháng 9-12 năm 2024. Sử dụng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức và thái độ của học sinh về an toàn tình dục.

Kết quả: Tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng về an toàn tình dục đạt 66,5%, trong đó hiểu biết về các bệnh lây truyền qua đường tình dục là HIV/AIDS đạt tỷ lệ cao nhất với 99,3%, trong khi chỉ có 16,5% học sinh biết được viêm gan B là bệnh lây truyền qua đường tình dục. Học sinh có thái độ tốt về an toàn tình dục chiếm tỷ lệ thấp với 21,3%. Và quan điểm “sử dụng biện pháp tránh thai là quan hệ tình dục an toàn” được học sinh đồng ý với tỷ lệ cao nhất là 67,7%, vẫn còn 45,6% học sinh cảm thấy ngại khi mua hay hỏi về bao cao su. Kiến thức về an toàn tình dục có liên quan với học lực và thái độ về vấn đề này bị ảnh hưởng bởi giới tính của học sinh.

Kết luận: Mức độ kiến thức đúng và thái độ tốt của học sinh về an toàn tình dục còn rất hạn chế. Cần nâng cao kiến thức về an toàn tình dục cho học sinh trung học phổ thông, nhất là những học sinh có kết quả học tập thấp và chú ý đến đối tượng nam sinh là yếu tố quan trọng để cải thiện sự hiểu biết và điều chỉnh thái độ về an toàn tình dục.

Từ khóa: An toàn tình dục, kiến thức, thái độ, học sinh trung học phổ thông.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển về tâm sinh lý của lứa tuổi vị thành niên trong bối cảnh xã hội ngày càng hiện đại hóa, là nhu cầu tìm hiểu về tình dục, phát sinh quan hệ tình dục và các biện pháp bảo vệ. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho nguy cơ có thai ở trẻ vị thành niên ngày càng gia tăng khi chưa được trang bị đúng và đủ những kiến thức về an toàn tình dục. Từ đó dẫn đến những hậu quả khôn lường như mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Hàng năm, có khoảng 21 triệu trẻ vị thành niên ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình mang thai, đáng chú ý là một nửa trong số này xảy ra ngoài ý muốn [1]. Theo thống kê của Quỹ Dân số Liên hợp quốc, có 55% các trường hợp mang thai ngoài ý muốn ở lứa tuổi vị thành niên kết thúc bằng việc phá thai không an toàn, đặc biệt là ở các nước đang phát triển [2].

Tại Việt Nam, trung bình mỗi năm ghi nhận khoảng 300.000 đến 400.000 ca phá thai, chủ yếu ở độ tuổi 15-19, trong đó 60-70% là học sinh, sinh viên [3]. Theo thống kê của Quỹ Dân số Liên hợp quốc và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai còn thấp, chỉ

có 41% nữ giới và 65% nam giới ở độ tuổi 15-24 sử dụng biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục [4].

Với thực trạng đó, lứa tuổi vị thành niên, đặc biệt là học sinh trung học phổ thông ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ nói riêng, cũng có xu hướng tìm hiểu về tình dục và an toàn tình dục. Việc đánh giá và cung cấp kiến thức càng trở nên quan trọng nhằm giúp học sinh hiểu biết về các biện pháp tránh thai, phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm xác định tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng, thái độ tốt và một số yếu tố liên quan về an toàn tình dục tại Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh đang học tập tại Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ.

*Tác giả liên hệ

Email: ttlinhvn85@gmail.com Điện thoại: (+84) 979727232 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD5.5027

- Tiêu chuẩn lựa chọn: học sinh đang học tại trường có mặt ở thời điểm tiến hành nghiên cứu, đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: học sinh không trả lời 1 trong 3 phần của bộ câu hỏi (thông tin chung, kiến thức về an toàn tình dục, thái độ về an toàn tình dục), học sinh vắng mặt trong thời điểm nghiên cứu.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Địa điểm: tại Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ.

- Thời gian: từ tháng 9-12 năm 2024.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

- Cỡ mẫu áp dụng công thức ước tính cho một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{P(1-P)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu; với $\alpha = 0,05$ thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; d là độ sai số cho phép (chọn $d = 0,05$); p là tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng về an toàn tình dục (chọn $p \approx 0,384$ theo nghiên cứu của Lê Thị Hồng Hạnh và cộng sự (2024) [5].

Thay các giá trị vào công thức, tính được số học sinh tối thiểu cần khảo sát là 364. Thực tế chúng tôi thu được mẫu 403 học sinh đưa vào nghiên cứu.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu cụm qua 2 giai đoạn.

Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên có tất cả 1542 học sinh với 36 lớp học thuộc 3 khối lớp 10, 11 và 12. Số lượng học sinh trung bình của mỗi lớp từ 35-48 học sinh.

Giai đoạn 1 (chọn lớp): số lớp chọn được tính theo tỷ lệ số lớp chọn mỗi khối/tổng số lớp của trường. Kết quả chọn ngẫu nhiên bằng phương pháp bốc thăm được 4/13 lớp khối 10, 3/12 lớp khối 11 và 3/11 lớp khối 12. Tổng cộng là 10 lớp.

Giai đoạn 2 (chọn học sinh): chọn tất cả học sinh tại các lớp đã bốc thăm vào mẫu nghiên cứu.

- Phương pháp thu thập số liệu: bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế [6] và tham khảo từ các nghiên cứu trước đó [5]. Tiến hành phỏng vấn trực tiếp học sinh bằng bộ câu hỏi (gồm 38 câu) trong thời gian 20-30 phút. Để hạn chế sai số, điều tra viên được tập huấn trước và học sinh được hướng dẫn giải thích rõ ràng về mục đích và nội dung nghiên cứu.

2.4. Biến số nghiên cứu

- Đặc điểm chung: giới, tuổi, kết quả học tập, dân tộc, hoàn cảnh sống, tình trạng có người yêu.

- Kiến thức: có 15 câu hỏi đánh giá kiến thức, mỗi câu trả lời đúng được tính 1 điểm. Kiến thức chung đúng khi đạt 9/15 điểm. Nội dung đánh giá kiến thức bao gồm: khái niệm về an toàn tình dục; các biện pháp tránh thai; thời điểm sử dụng và tác dụng không mong muốn của bao cao su; biểu hiện khi có thai; hậu quả khi nạo phá thai; các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biểu hiện khi mắc, hậu quả và biện pháp phòng tránh.

- Thái độ: đánh giá thái độ của học sinh về tình dục an toàn dựa vào 11 câu hỏi về thái độ, mỗi câu hỏi được đánh giá theo thang điểm Likert 5 mức độ bao gồm: rất không đồng ý, không đồng ý, không chắc chắn, đồng ý, rất đồng ý. Nội dung đánh giá thái độ bao gồm: thái độ của học sinh về quan hệ tình dục, thái độ về biện pháp tránh thai, thái độ về mang thai và nạo phá thai, thái độ đối với các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Mối liên quan: đặc điểm chung với kiến thức và thái độ về an toàn tình dục của học sinh.

- Xử lý số liệu: số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự đồng ý và cho phép của Ban Giám hiệu Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên. Học sinh được giải thích rõ ràng và tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu. Các số liệu, thông tin thu thập chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và được bảo mật.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 403)

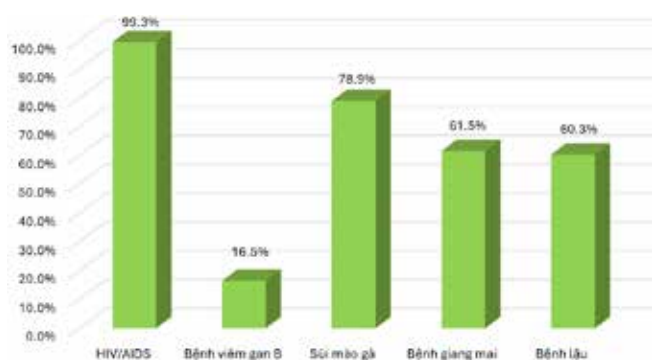
Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	169	41,9
	Nữ	234	58,1
Tuổi	< 18 tuổi	286	71,0
	≥ 18 tuổi	117	29,0
Kết quả học tập	≥ Khá	323	81,1
	< Khá	80	19,9
Dân tộc	Kinh	300	74,4
	Khmer	53	13,2
	Hoa	50	12,4
Hoàn cảnh sống	Sống cùng cha và mẹ	328	81,4
	Sống cùng họ hàng	22	5,5
	Sống cùng cha hoặc mẹ	46	11,4
	Sống một mình	7	1,7
Người yêu	Có	82	20,3
	Chưa có	321	79,7

Nhóm tuổi dưới 18 chiếm đa số với tỷ lệ 71,1%. Kết quả học tập hiện tại đạt từ loại khá trở lên chiếm tỷ lệ cao với 81,1%. Đa số học sinh là dân tộc Kinh (74,4%). Phần lớn học sinh sống cùng với cha và mẹ (81,4%), sống một mình chỉ có 1,7%. Học sinh chưa có người yêu chiếm tỷ lệ 79,7%.

Bảng 2. Đánh giá kiến thức chung, thái độ chung của học sinh về an toàn tình dục (n = 403)

Đánh giá		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Kiến thức chung	Đúng	268	66,5
	Chưa đúng	135	33,5
Thái độ chung	Tốt	86	21,3
	Chưa tốt	317	78,7

Chỉ có 66,5% học sinh có kiến thức chung đúng và 21,3% học sinh có thái độ tốt về an toàn tình dục.



Biểu đồ 1. Kiến thức của học sinh về các bệnh lây truyền qua đường tình dục

Bệnh lây truyền qua đường tình dục mà học sinh biết đến nhiều nhất là HIV/AIDS với tỷ lệ lên đến 99,3%, tiếp theo là sùi mào gà (78,9%). Đáng chú ý là chỉ có 16,5% học sinh biết được viêm gan B là bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Bảng 3. Thái độ của học sinh về biện pháp tránh thai (n = 403)

Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không chắc chắn	Đồng ý	Rất đồng ý
Sử dụng biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục sẽ không chứng tỏ được tình yêu đích thực	182 (45,2%)	132 (32,8%)	70 (17,3%)	13 (3,2%)	6 (1,5%)
Sử dụng biện pháp tránh thai là quan hệ tình dục an toàn	17 (4,2%)	19 (4,7%)	94 (23,3%)	154 (38,2%)	119 (29,6%)
Dùng bao cao su thể hiện trách nhiệm của đối phương	18 (4,5%)	18 (4,5%)	140 (34,7%)	145 (36,0%)	82 (20,3%)
Thấy ngại khi mua hay hỏi về bao cao su	11 (2,7%)	52 (12,9%)	156 (38,7%)	138 (34,3%)	46 (11,4%)

Quan điểm “sử dụng biện pháp tránh thai là quan hệ tình dục an toàn” được học sinh đồng ý với tỷ lệ cao chiếm 67,7%. Có 45,6% học sinh cảm thấy ngại khi mua hay hỏi về bao cao su. Bên cạnh đó còn rất nhiều học sinh có thái độ không chắc chắn về các biện pháp tránh thai.

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức chung về an toàn tình dục

Yếu tố		Kiến thức chung		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Chưa đúng		
Giới tính	Nam (n = 169)	110 (65,1%)	59 (34,9%)	0,897 (0,590-1,362)	0,686
	Nữ (n = 234)	158 (67,5%)	76 (32,5%)		
Kết quả học tập	≥ Khá (n = 323)	227 (70,3%)	96 (29,7%)	2,249 (1,365-3,705)	0,002
	< Khá (n = 80)	41 (51,2%)	39 (48,8%)		
Người yêu	Có (n = 82)	56 (68,3%)	26 (31,7%)	1,107 (0,659-1,861)	0,799
	Chưa có (n = 321)	212 (66,0%)	109 (34,0%)		

Kết quả cho thấy, có mối liên quan giữa kiến thức với kết quả học tập. Học sinh có kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên có kiến thức đúng về an toàn tình dục cao gấp 2,249 lần so với nhóm còn lại (OR = 2,249; KTC 95% = 1,365-3,705). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p < 0,05.

Bảng 5. Một số yếu tố liên quan đến thái độ chung về an toàn tình dục

Yếu tố		Thái độ chung		OR (KTC 95%)	p
		Tốt	Chưa tốt		
Giới tính	Nam (n = 169)	19 (11,2%)	150 (88,8%)	0,316 (0,181-0,550)	0,000
	Nữ (n = 234)	67 (28,6%)	167 (71,4%)		
Kết quả học tập	≥ Khá (n = 323)	74 (22,9%)	249 (77,1%)	1,684 (0,865-3,279)	0,122
	< Khá (n = 80)	12 (15,0%)	68 (85,0%)		
Người yêu	Có (n = 82)	12 (14,6%)	70 (85,4%)	0,572 (0,294-1,113)	0,131
	Chưa có (n = 321)	74 (23,1%)	247 (76,9%)		

Kết quả cho thấy học sinh nam có thái độ đúng về tình dục an toàn thấp hơn so với học sinh nữ (OR = 0,316; KTC 95% = 0,181-0,550; p < 0,05).

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu kiến thức và thái độ về an toàn tình dục trên 403 học sinh của Trường Trung học phổ thông Mỹ Xuyên cho thấy, tỷ lệ học sinh nữ cao hơn học sinh nam (58,1% và 41,9%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu Trần Quốc Thắng và cộng sự (2023) tại Trường Trung học phổ thông Tiên Hưng ghi nhận tỷ lệ nữ 51,4% và nam là 48,6% [7]. Đa số đối tượng tham gia nghiên cứu ở độ tuổi từ 16-18 tuổi, nhóm tuổi dưới 18 chiếm đến 71%. Học sinh có học lực từ khá trở lên chiếm tỷ lệ 81,1%; kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu tại Trường Trung học phổ thông huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, trong đó học lực từ khá trở lên chiếm 91,8% [8]. Có 74,4% học sinh là dân tộc Kinh, phần lớn học sinh chưa có người yêu với tỷ lệ 79,7%; kết quả này cao hơn gấp 2 lần so với nghiên cứu của Lê Thị Việt Trinh và cộng sự (2024) cho thấy kết quả học sinh trung học phổ thông chưa có người yêu là 33,8% [9].

Đa số học sinh có kiến thức và thái độ chung về an toàn tình dục còn hạn chế. Có 66,5% học sinh có kiến thức chung đúng, cao hơn so với nghiên cứu tại Trường Trung học phổ thông Thái Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi nhận tỷ lệ kiến thức an toàn tình dục đúng là 53% [10]. Trong khi đó, thái độ chung tốt chỉ đạt 21,3%. thấp hơn so với kết quả nghiên cứu trên học sinh tại Thái Nguyên với tỷ lệ học sinh có thái độ tốt về an toàn tình dục là 69% [5]. Điều này cho thấy học sinh trung học phổ thông là đối tượng cần được quan tâm về giáo dục giới tính, vì độ tuổi này có sự phát triển về mặt thể chất và nhu cầu sinh lý nhưng chưa trưởng thành về mặt nhận thức và tâm lý, đặc biệt là vấn đề tình dục.

Một trong những yếu tố góp phần đảm bảo an toàn tình dục là kiến thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục thì HIV/AIDS là bệnh phổ biến nhất được học sinh biết đến nhiều nhất với tỷ lệ lên đến 99,3%. Đáng chú ý là bệnh viêm gan B ít được biết đến là bệnh lây truyền qua đường tình dục, chỉ chiếm 16,5%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu Trần Thị Thanh Thủy và cộng sự (2022) ở học sinh cuối cấp Trường Trung học phổ thông Thái Ninh cho thấy học sinh biết đến bệnh lây truyền qua đường tình dục nhiều nhất là HIV/AIDS (86%), viêm gan B được biết đến thấp nhất (14%) [10]. Kết quả trên cho thấy rằng, HIV/AIDS được biết đến nhiều nhất là hoàn toàn phù hợp vì hiện nay HIV/AIDS là một đại dịch toàn cầu, gần như các phương tiện thông tin đại chúng đều đề cập đến, vì vậy học sinh có thể dễ dàng tìm hiểu thông tin. Tuy nhiên, các em học sinh chỉ mới nắm bắt được một số bệnh lây truyền qua đường tình dục phổ biến, trong khi vẫn còn có rất nhiều bệnh lây truyền qua đường tình dục khác có tỷ lệ mắc cao những chưa được chú ý đến.

Về thái độ đối với các biện pháp tránh thai, quan điểm “sử dụng biện pháp tránh thai là quan hệ tình dục an toàn” được học sinh đồng ý chiếm tỷ lệ cao với 67,7%. Có 45,6% học sinh cảm thấy ngại khi mua hay hỏi về bao cao su. Kết quả này cao hơn gấp 4 lần so với nghiên cứu của Vũ Thị Minh và cộng sự (2023) tại Trường Trung học phổ thông Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội cho thấy có 11,6% đối tượng đồng ý với quan điểm “cảm thấy ngại khi mua hay hỏi về bao cao su” [11]. Đây là điều đáng lo vì có thể dẫn đến việc khi quan hệ tình dục học sinh vì thấy ngại không dám mua mà không sử dụng biện pháp tránh thai nói chung cũng như bao cao su nói riêng, từ đó gây ra hậu quả mang thai ngoài ý muốn dẫn đến nạo phá thai hay mắc phải các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Vì vậy, đây là điều cần được quan tâm hỗ trợ giúp học sinh có thái độ tích cực hơn trong việc sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục.

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy kiến thức về an toàn tình dục của học sinh có liên quan với kết quả học tập ($p < 0,05$). Học sinh có học lực khá trở lên có kiến thức đúng về an toàn tình dục cao gấp 2,249 lần so với học sinh có học lực trung bình. Ngoài ra, thái độ về an toàn tình dục cũng bị ảnh hưởng bởi giới tính, tỷ lệ học sinh nam có thái độ tốt về an toàn tình dục thấp hơn so với học sinh nữ. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Ái và cộng sự trên học sinh trung học phổ thông xã đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh [12]. Nguyên nhân có thể do nữ giới thường sẽ quan tâm hơn đến việc bảo vệ sức khỏe sinh sản bởi phụ nữ có một thiên chức cao quý là làm mẹ. Bên cạnh đó, nếu quan hệ tình dục không an toàn dẫn đến có thai ở tuổi vị thành niên là việc khó chấp nhận được ở độ tuổi này và nữ giới sẽ chịu hậu quả nhiều nhất, còn nam giới thường sẽ có suy nghĩ khá thoáng về vấn đề tình dục.

5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng về an toàn tình dục còn hạn chế và thái độ tốt về vấn đề này cũng khá thấp. Từ việc xác định các yếu tố liên quan, nhận thấy cần chú trọng đến công tác giáo dục giới tính cho học sinh, đặc biệt là những học sinh có học lực thấp và đối tượng nam sinh. Cùng với nhà trường, gia đình cũng cần quan tâm đến học sinh nhiều hơn vì đây là lứa tuổi dậy thì, mạng xã

hội ngày càng phát triển làm cho các em dễ tiếp cận nguồn thông tin sai lệch về giới tính cũng như tình dục, từ đó có những suy nghĩ hành vi quan hệ tình dục sớm và không sử dụng biện pháp bảo vệ gây ra những hậu quả nặng nề.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization. Six actions to improve adolescent health, 2024.
- [2] United Nation Fund Population Agency. Adolescent pregnancy, 2025.
- [3] Bộ Y tế. Mang thai ở tuổi vị thành niên: con số đáng báo động, 2019. https://moh.gov.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia/-/asset_publisher/7ng11fEWgASC/content/mang-thai-o-tuoi-vi-thanh-nien-con-so-ang-bao-ong-
- [4] UNFPA and UNICEF Viet Nam. Understanding child marriage in Viet Nam, 2018.
- [5] Lê Thị Hồng Hạnh, Hạc Văn Vinh. Thực trạng kiến thức, thái độ về tình dục an toàn của học sinh Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược, 2024, 3 (1): 56-74.
- [6] Bộ Y tế. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - Nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên (Ban hành kèm theo Quyết định số 3261/QĐ-BYT ngày 04/11/2024).
- [7] Trần Quốc Thắng và cộng sự. Kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản của học sinh trung học phổ thông Tiên Hưng, Đông Hưng, Thái Bình năm 2023. Tạp chí Y học Cộng đồng, 2023, 65 (1): 243-251. doi: 10.52163/yhc.v65i1.906.
- [8] Lê Bích Quyên và cộng sự. Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về sức khỏe sinh sản ở học sinh thuộc các trường trung học phổ thông tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng năm 2021. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2022, 54: 84-91. doi: 10.58490/ctump.2022i54.362.
- [9] Lê Thị Việt Trinh, Dương Phúc Lam. Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về sức khỏe sinh sản và một số yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng năm 2023. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2024, 77: 106-112. doi: 10.58490/ctump.2024i77.2826.
- [10] Trần Thị Thanh Thủy và cộng sự. Kiến thức và hành vi tình dục an toàn của học sinh năm cuối tại Trường Trung học phổ thông Thái Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình năm 2022. Tạp chí Y học Việt Nam, 2022, 518 (2): 56-62. doi: 10.51298/vmj.v518i2.3417.
- [11] Vũ Thị Minh và cộng sự. Khảo sát kiến thức, thái độ phòng tránh thai của vị thành niên tại Trường Trung học phổ thông Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội. Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 529 (1): 351-356. doi: 10.51298/vmj.v529i1.6313.
- [12] Nguyễn Thị Ái, Nguyễn Thị Thúy Hạnh. Thực trạng kiến thức, thái độ về tình dục an toàn của học sinh trung học phổ thông xã đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh năm 2017. Tạp chí Y học Cộng đồng, 2018, số 5: 46-52.